

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Trình độ đào tạo: Cử nhân

Ngành/chuyên ngành:

Mã số:

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin chung về học phần**

- 1.1. Tên học phần: Pháp luật đại cương
- 1.2. Mã học phần: GRL0231
- 1.3. Số tín chỉ: 02
  - Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
  - + Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
  - + Bài tập thực hành, thảo luận, hoạt động nhóm: 18 tiết
  - + Kiểm tra: 02 tiết
  - Thời gian tự học: 60 giờ
- 1.4. Loại học phần (bắt buộc/lựa chọn): Bắt buộc
- 1.5. Điều kiện tham gia học phần:
  - Học phần tiên quyết: Quản lý học đại cương
  - Học phần học trước: Không
  - Học phần song hành: Không
- 1.6. Các giảng viên phụ trách HP:
  - Giảng viên phụ trách chính:
  - Các giảng viên cùng giảng dạy:

**2. Mô tả học phần** (*vị trí, vai trò của học phần đối với CTĐT, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm các nội dung chính sau đây:

Các kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, bao gồm: cấu trúc của hệ thống pháp luật, các điều kiện làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

Các kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng như:

Luật Hiến pháp: Lịch sử ra đời của các bản Hiến pháp Việt Nam, chế độ chính trị, chế độ kinh tế, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cấu trúc của bộ máy nhà nước, ....

Luật Lao động: Hợp đồng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, giải quyết tranh chấp về lao động.

Luật Dân sự và Tố tụng dân sự: Tài sản, quyền nhân thân, quyền sở hữu, quyền thừa kế, giải quyết tranh chấp theo thủ tục tố tụng dân sự.

Luật Hôn nhân và gia đình: điều kiện kết hôn, cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc đăng ký kết hôn, kết hôn trái pháp luật và giải quyết việc kết hôn trái pháp luật, quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái, chấm dứt hôn nhân, ....

Luật Hình sự và Tố tụng hình sự: tội phạm, phân loại tội phạm, cấu thành tội phạm, hình phạt, hệ thống hình phạt, quá trình giải quyết vụ án hình sự.

### 3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

*(Mục tiêu của học phần, thể hiện sự tương quan với các chủ đề CDR của CTĐT (PLOs) và trình độ năng lực được phân bổ cho học phần)*

| Mục tiêu (COs)         | Mô tả mục tiêu học phần   | Đáp ứng CDR của CTĐT (PLOs)    | Trình độ năng lực |
|------------------------|---|--------------------------------|-------------------|
| <b>Mục tiêu chung</b>  | Học phần “Pháp luật đại cương” trang bị cho người các kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật, bao gồm: lý luận chung về nhà nước và pháp luật (nguồn gốc, bản chất, chức năng, đặc trưng cơ bản của nhà nước; nguồn gốc, hình thức, khái niệm, thuộc tính của pháp luật); hệ thống pháp luật và quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các chế định luật cơ bản của một số ngành luật quan trọng như: Luật Hiến pháp, Luật Lao động, Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự, Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự.                        | PLO1, PLO5, PLO6, PLO11, PLO12 |                   |
| <b>Mục tiêu cụ thể</b> |   |                                |                   |
| CO1                    | Nắm được các kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung  | PLO1                           | 3/6               |
| CO2                    | Định hướng sinh viên tiếp cận với thực tiễn Pháp luật đại cương<br>Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế Pháp luật đại cương ở địa phương sao cho phù hợp với điều kiện thực tế và mang lại hiệu quả cao   | PLO5                           | 3/5               |
| CO3                    | - Có khả năng phát hiện vấn đề, dự báo và xử lý các nguy cơ phát sinh trong khi thực hiện các công việc liên quan đến Pháp luật đại cương trên cơ sở nền tảng kiến thức một cách logic. Hình thành kỹ năng Pháp luật cho sinh viên: Làm việc độc lập, am hiểu kiến thức về môi trường và sự vận động của môi trường tự nhiên trong quá trình phát triển trong mối quan hệ với con người<br>- Đối với mỗi chuyên ngành luật, nắm được những vấn đề lý luận chung (đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nguồn) và những chế định cơ bản của chuyên | PLO6                           | 4/5               |

|     |  |       |     |
|-----|--|-------|-----|
|     | ngành luật đó, đồng thời có khả năng vận dụng những quy định của pháp luật trong mỗi chuyên ngành luật để giải quyết tình huống thực tế.   |       |     |
| CO4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu về bản chất của vấn đề một cách logic từ đó có cái nhìn toàn diện và hệ thống các vấn đề, để sống và làm việc tuân thủ theo pháp luật.</li> <li>- Quản lý công việc hiệu quả, phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý hành chính. Khéo léo trong giao tiếp và ứng xử trong mối quan hệ với nhân dân khi thực hiện công vụ. Khéo léo trong giao tiếp và ứng xử trong mối quan hệ với đồng nghiệp trong cơ quan</li> </ul>  | PLO11 | 4/5 |
| CO5 | <p>Qua học phần, sinh viên thấy được ý nghĩa, tầm quan trọng, tác dụng của kiến thức môn học Pháp luật đại cương trong đời sống, đặc biệt là trong quan hệ xã hội. Từ đó hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học này. Giúp sinh viên tự tin về khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề pháp luật.</p> <p>Quản lý công việc hiệu quả, phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quản lý xã hội trong cơ quan nơi sinh viên công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thái độ rõ ràng trước những hành vi vi phạm gây ảnh hưởng đến lợi ích của nhà nước và của nhân dân</li> <li>- Hiểu rõ đặc điểm, bản chất của của nhà nước và pháp luật, từ đó có những ứng xử phù hợp với bản chất của nhà nước.</li> <li>- Ý thức được tầm quan trọng của bảo vệ Nhà nước và pháp luật trong quá trình thực thi công vụ</li> </ul> | PLO12 | 4/5 |

*Trình độ năng lực được đánh giá theo thang Bloom:*

| <b>Cấp độ</b> | <b>Đánh giá kiến thức</b>   | <b>Đánh giá kỹ năng</b>                            | <b>Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>                         |
|---------------|---|--|--|
| 6             | Sáng tạo (Creating)   |  |  |
| 5             | Đánh giá (Avaluating)   | Bản năng, tự nhiên hóa (Naturalization)            | Hình thành tính cách (Characterization, characterization by value set) |
| 4             | Phân tích (Analyzing) thấu hiểu cả nội dung và hình thái cấu trúc của tài liệu. | Thành thạo (Articulation)                          | Tổ chức các giá trị thành hệ thống (Organization)                      |
| 3             | Vận dụng (Upplying)   | Làm chuẩn xác (Precision)                          | Hình thành giá trị (Valuing)   |
| 2             | Hiểu (Understanding)  | Thao tác (Manipulation)                            | Hồi đáp (Responding)   |
| 1             | Nhớ (Remembering)   | Bắt chước (Imitation)                              | Tiếp thu (Receiving)   |
|               | <i>Bloom Benjaming (1946) → Anderson Lorin và cs (1996, 2001)</i>               | <i>Bloom (1970) → Simpson (1972) → Dave (1974)</i> | <i>Krathwohl D.R, Bloom B.S., Masia B.B (1973)</i>                     |

*\*Ghi chú: Điểm mức độ năng lực yêu cầu theo thang đo năng lực Bloom:  
Kiến thức (1→6), Kỹ năng (1→5), Năng lực tự chủ và trách nhiệm (1→5)*

4. **Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra học phần Pháp luật đại cương ngành Quản lý nhà nước**

| PLOs Quản lý nhà nước<br>phân nhiệm cho HP Pháp luật đại cương |   |                   | CLOs 1.1. Pháp luật đại cương |   |                          |                   |   |
|--|---|-------------------|-------------------------------|---|--------------------------|-------------------|---|
| Ký hiệu  | Mô tả   | Trình độ năng lực | Ký hiệu                       | Mô tả   | Mức độ giảng dạy (I,T,U) | Trình độ năng lực | Chương HP đảm nhận  |
| PLO1<br>(1.1.1)  | Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, pháp luật để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. | 3/6               | CLO 1<br>[1.1.1.1]            | <b>Trình bày</b> khái niệm và một số vấn đề chung của nhà nước và pháp luật, cũng như nghiên cứu sự hình thành, của hệ thống pháp luật và quan hệ pháp luật<br><b>Nếu được</b> vấn đề cơ bản về pháp luật ở nước ta   | I, T                     | 3/6               | Chương 1, chương 2  |
|  |   |                   | CLO 2<br>[1.1.1.2]            | <b>Hiểu và vận dụng</b> các yếu tố tác động quá trình hình thành pháp luật ở nước ta, và những hệ thống pháp luật hiện nay. Hệ thống pháp luật trong giai đoạn hiện nay bao gồm những nội dung gì, mục đích và đối tượng môn học, các hình quản lý và các yếu tố tác động đến con người; Các vấn đề cơ bản của hệ thống Pháp luật đại | I, T                     | 3/6               | Chương 3, chương 4 chương 5, chương 7, chương 8, chương 9 |

| PLOs Quản lý nhà nước<br>phân nhiệm cho HP Pháp luật đại cương |  |      | CLOs 1.1. Pháp luật đại cương |  |      |     |  |
|--|--|------|-------------------------------|--|------|-----|--|
|  |  |      |                               | cương  |      |     |  |
| PLO5<br>(2.1.1)  | Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm  | 3/5  | CLO 3<br>[2.1.1.1]            | <b>Thực hiện</b> làm việc, học tập, bàn luận, tranh luận một cách độc lập hoặc theo nhóm;  | T, U | 3/5 | Chương 1, Chương 2, Chương 3, chương 4, chương 5, chương 6, chương 7, chương 8, chương 9 |
|  |  |      | CLO 4<br>[2.1.1.2.]           | <b>Tổ chức và điều hành</b> có hiệu quả trong làm việc nhóm.   | T, U | 3/5 |  |
| PLO6<br>(2.1.2)  | Áp dụng được các kiến thức cơ bản về máy tính và internet, tin học văn phòng để phục vụ học tập, nghiên cứu tiếp thu kiến thức chuyên môn. Đạt Chứng chỉ tin học IC3 (Digital Literacy Certification) hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương. | 4/5  | CLO5<br>[2.1.2.1]             | <b>Hiểu và vận dụng</b> được các kiến thức về CNTT để nghiên cứu hệ thống cơ bản về Pháp luật đại cương... Thông qua các phương pháp nghiên cứu sinh viên biết cách thiết kế nghiên cứu một đề tài Pháp luật đại cương | I, T | 4/5 | Chương 3, chương 4 chương 5, chương 6, chương 7, chương 8, chương 9                      |
|  |  |      | CLO6<br>[2.1.2.2]             | <b>Đánh giá</b> được cơ cấu, bản chất của hệ thống Pháp luật đại cương   | T,U  | 4/5 |  |
| PLO11<br>(3.1)   | Tự quyết định, tự chịu trách nhiệm, tự thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức,   | '4/5 | CLO7<br>[3.1.1]               | <b>Quyết định</b> được các phương pháp điều tra và thu thập thông tin trong Pháp luật đại cương  | I, T | 4/5 | Chương 1, Chương 2, Chương 3, chương 4, chương 5, chương 6, chương 7, chương 8, chương 9 |
|  |  |      | CLO8<br>[3.1.2]               | <b>Tham mưu</b> cho lãnh đạo trong lĩnh vực môi trường của đời sống xã hội;  | T, U | 4/5 |  |

| PLOs Quản lý nhà nước<br>phân nhiệm cho HP Pháp luật đại cương |   |     | CLOs 1.1. Pháp luật đại cương |  |  |  |  |
|--|---|-----|-------------------------------|--|--|--|--|
|  | kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.  |     |                               | nghiên cứu cơ chế tác động, nghiên cứu vị thế, vai trò của những cá nhân, những thể chế trong quan hệ với quyền lực, để quản lý giải quyết những vấn đề trong thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước |  |  |  |
| PLO12<br>(3.2)   | Có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp; có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và ý thức tổ chức kỷ luật. | 4/5 | CLO9<br>[3.2.1]               | <b>Làm việc</b> có trách nhiệm, tham mưu, tư vấn được các đối tượng , các vấn đề phù hợp đáp ứng được những yêu cầu về quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật                                |  |  | Chương 1, Chương 2, Chương 3, chương 4, chương 5, chương 6, chương 7, chương 8, chương 9 |
|  |   |     | CLO10<br>[3.2.2]              | <b>Thượng tôn</b> pháp luật, chuyên nghiệp trong giải quyết các vấn đề quản lý chính trị - xã hội  |  |  |  |

- **Mức độ giảng dạy:** I (Introduce): Giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): Sử dụng.

- **Ký hiệu CDR:**

1. Nhóm CDR về kiến thức: 1.1 - Kiến thức chung; 1.2 - Kiến thức chuyên ngành;

2. Nhóm CDR về kỹ năng: 2.1 - Kỹ năng chung; 2.2 - Kỹ năng nghề nghiệp;

3. Nhóm CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm: 3.1 - Năng lực tự chủ; 3.2 - Tự chịu trách nhiệm.

**Bảng 2. Ma trận đóng góp của các bài giảng của các chương cho việc đạt CDR học phần**

| PLOs được phân nhiệm | PLO1                  |           | PLO5; PLO6          |           |           |           | PLO 11, PLO12       |         |         |         |
|----------------------|-----------------------|-----------|---------------------|-----------|-----------|-----------|---------------------|---------|---------|---------|
|                      | Kiến thức nghề nghiệp |           | Kỹ năng nghề nghiệp |           |           |           | Tự chủ, trách nhiệm |         |         |         |
| CLOs                 | 1                     | 2         | 3                   | 4         | 5         | 6         | 7                   | 8       | 9       | 10      |
| Bài giảng            | [1.1.1.1]             | [1.1.1.2] | [2.1.1.1]           | [2.1.1.2] | [2.1.2.1] | [2.1.2.2] | [3.1.1]             | [3.1.2] | [3.2.1] | [3.2.2] |
| Chương 1             | 3/6                   |           | 3/5                 | 3/5       |           | 4/5       | 4/5                 | 4/5     | 4/5     | 4/5     |
| Chương 2             | 3/6                   |           | 3/5                 | 3/5       |           | 4/5       | 4/5                 | 4/5     | 4/5     | 4/5     |
| Chương 3             |                       | 3/6       | 3/5                 | 3/5       | 4/5       | 4/5       | 4/5                 | 4/5     | 4/5     | 4/5     |
| Chương 4             |                       | 3/6       | 3/5                 | 3/5       | 4/5       | 4/5       | 4/5                 | 4/5     | 4/5     | 4/5     |
| Chương 5             |                       | 3/6       | 3/5                 | 3/5       | 4/5       | 4/5       | 4/5                 | 4/5     | 4/5     | 4/5     |
| Chương 6             |                       | 3/6       | 3/5                 | 3/5       | 4/5       | 4/5       | 4/5                 | 4/5     | 4/5     | 4/5     |
| Chương 7             |                       | 3/6       | 3/5                 | 3/5       | 4/5       | 4/5       | 4/5                 | 4/5     | 4/5     | 4/5     |
| Chương 8             |                       | 3/6       | 3/5                 | 3/5       | 4/5       | 4/5       | 4/5                 | 4/5     | 4/5     | 4/5     |
| Chương 9             |                       | 3/6       | 3/5                 | 3/5       | 4/5       | 4/5       | 4/5                 | 4/5     | 4/5     | 4/5     |

**5. Đánh giá học phần** (các thành phần, các bài đánh giá và tỉ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần)

**Bảng 3. Đánh giá học phần**

| Thành phần đánh giá                         | Bài đánh giá   | CDR học phần được đánh giá (CLOs)   | Trọng số (tỉ lệ %) | Hình thức đánh giá                   | Thời điểm đánh giá       |
|---|--|-------------------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------------|
| <b>A1. Đánh giá quá trình</b>               |  |                                     | <b>50</b>          |                                      |                          |
| <b>A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập</b> |  |                                     | <b>20</b>          |                                      |                          |
| Sự chuyên cần                               | A1.1.1. Tham gia đầy đủ giờ lên lớp lý thuyết và thực hành theo quy định | CLO11<br>CLO12                      | 10                 | <i>Điểm danh</i>                     | Thường xuyên             |
| Thái độ học tập                             | A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp                        | CLO5                                | 10                 | <i>Tham gia phát biểu, thảo luận</i> | Thường xuyên             |
| <b>A1.2. Kiểm tra định kỳ</b>               |  |                                     | <b>30</b>          |                                      |                          |
|   | A1.2.1. Bài kiểm tra 1   | CLO1, CLO5,<br>CLO6, CLO11<br>CLO12 | 30                 | Bài kiểm tra tự luận                 | Cuối chương 5            |
|   | A1.2.2. Bài kiểm tra 2   |                                     |                    | Bài kiểm tra trắc nghiệm             | Kết thúc lịch học        |
| <b>A2. Đánh giá cuối kì</b>                 |  |                                     | <b>50</b>          |                                      |                          |
|   | Tự luận  | CLO1, CLO5,<br>CLO6, CLO11<br>CLO12 | 50                 | Tự luận                              | Theo lịch thi của P.QLĐT |

**Bảng 4. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CDR học phần**

| CLOs          | Kiến thức nghề nghiệp |            | Kỹ năng nghề nghiệp |           |           |           | Tự chủ, trách nhiệm |         |         |         |
|---------------|-----------------------|------------|---------------------|-----------|-----------|-----------|---------------------|---------|---------|---------|
|               | 1                     | 2          | 3                   | 4         | 5         | 6         | 7                   | 8       | 9       | 10      |
| <b>Bài ĐG</b> | [1.1.1.1]             | [1.1.1.2]  | [2.1.1.1]           | [2.1.1.2] | [2.1.2.1] | [2.1.2.2] | [3.1.1]             | [3.1.2] | [3.2.1] | [3.2.2] |
| A1.1          |                       |            | 4/5                 | 4/5       |           |           | 4/5                 | 4/5     | 4/5     | 4/5     |
| A1.2          | 3/6                   | 3/6        | 4/5                 | 4/5       | 4/5       | 4/5       | 4/5                 | 4/5     | 4/5     | 4/5     |
| <b>A2</b>     | 3/6                   | <b>3/6</b> | 4/5                 | 4/5       | 4/5       | 4/5       | 4/5                 | 4/5     | 4/5     | 4/5     |

**6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy** (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá học phần)

**Bảng 4. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần**

| TT       | Các nội dung cơ bản của Chương mục                   | Số tiết (LT/TH) | Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)   | PP giảng dạy                      | Hoạt động học của SV                             | Bài đánh giá |
|----------|--|-----------------|--------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|
| (1)      | (2)  | (3)             | (4)                            | (5)                               | (6)  | (7)          |
| <b>1</b> | <b>Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật</b>  | 4/1             | CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12 | Thuyết trình, trao đổi, thảo luận | Nghe giảng, ghi chép<br>Tự đọc tài liệu chương 1 |              |
| 1.1      | Một số vấn đề chung về nhà nước                      |                 |                                |                                   |  |              |
| 1.1.1    | Nguồn gốc của nhà nước                               |                 |                                |                                   |  |              |
| 1.1.2    | Khái niệm, bản chất và chức năng cơ bản của nhà nước |                 |                                |                                   |  |              |
| 1.1.3    | Kiểu nhà nước  |                 |                                |                                   |  |              |
| 1.1.4    | Hình thức nhà nước                                   |                 |                                |                                   |  |              |
| 1.2      | Một số vấn đề chung về pháp luật                     |                 |                                |                                   |  |              |

| TT       | Các nội dung cơ bản của Chương mục            | Số tiết (LT/TH) | Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)   | PP giảng dạy                      | Hoạt động học của SV                             | Bài đánh giá |
|----------|---|-----------------|--------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|
| 1.2.1    | Nguồn gốc, hình thức của pháp luật            |                 |                                |                                   |  |              |
| 1.2.2    | Khái niệm, bản chất của pháp luật             |                 |                                |                                   |  |              |
| 1.2.2.1  | Khái niệm pháp luật                           |                 |                                |                                   |  |              |
| 1.2.2.2  | Bản chất của pháp luật                        |                 |                                |                                   |  |              |
| 1.2.2.3  | Các thuộc tính của pháp luật                  |                 |                                |                                   |  |              |
| 1.2.2.4  | Các kiểu pháp luật                            |                 |                                |                                   |  |              |
| 1.2.2.5  | Vai trò của pháp luật                         |                 |                                |                                   |  |              |
| <b>2</b> | <b>Hệ thống pháp luật – Quan hệ pháp luật</b> | 4/1             | CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12 | Thuyết trình, trao đổi, thảo luận | Nghe giảng, ghi chép<br>Tự đọc tài liệu chương 2 |              |
| 2.1      | Hệ thống pháp luật                            |                 |                                |                                   |  |              |
| 2.1.1    | Khái niệm                                     |                 |                                |                                   |  |              |

| TT    | Các nội dung cơ bản của Chương mục             | Số tiết (LT/TH) | Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)   | PP giảng dạy                                 | Hoạt động học của SV  | Bài đánh giá |
|-------|--|-----------------|--------------------------------|--|---|--------------|
| 2.1.2 | Hệ thống cấu trúc                              |                 |                                |  |   |              |
| 2.1.3 | Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật            |                 |                                |  |   |              |
| 2.2.  | Quan hệ pháp luật                              |                 |                                |  |   |              |
| 2.2.1 | Khái niệm                                      |                 |                                |  |   |              |
| 2.2.2 | Điều kiện của quan hệ pháp luật                |                 |                                |  |   |              |
| 2.2.3 | Đặc điểm của quan hệ pháp luật                 |                 |                                |  |   |              |
| 2.2.4 | Cấu trúc của quan hệ pháp luật                 |                 |                                |  |   |              |
| 3     | <b>Vi phạm pháp luật – Trách nhiệm pháp lý</b> | 4/2             | CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12 | Thuyết trình, thảo luận, trao đổi, thực hành | Nghe giảng, ghi chép, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp | A1.2         |
| 3.1   | Vi phạm pháp luật                              |                 |                                |  |   |              |
| 3.1.1 | Khái niệm                                      |                 |                                |  |   |              |

| TT       | Các nội dung cơ bản của Chương mục   | Số tiết (LT/TH) | Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)   | PP giảng dạy                                 | Hoạt động học của SV   | Bài đánh giá |
|----------|--|-----------------|--------------------------------|--|--|--------------|
| 3.1.2    | Cấu thành của vi phạm pháp luật  |                 |                                |  |  |              |
| 3.1.3    | Phân loại vi phạm pháp luật  |                 |                                |  |  |              |
| 3.2.     | Trách nhiệm pháp lý  |                 |                                |  |  |              |
| 3.2.1    | Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm pháp lý                                |                 |                                |  |  |              |
| 3.2.2    | Các loại trách nhiệm pháp lý   |                 |                                |  |  |              |
| <b>4</b> | <b>Luật Hiến pháp.</b>   | 4/3             | CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12 | Thuyết trình, trao đổi, thảo luận, thực hành | Nghe giảng, ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân |              |
| 4.1      | Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hiến pháp |                 |                                |  |  |              |
| 4.2      | Một số nội dung cơ bản của Luật Hiến Pháp                                    |                 |                                |  |  |              |
| 4.2.1    | Chế độ chính trị   |                 |                                |  |  |              |

| TT       | Các nội dung cơ bản của Chương mục                      | Số tiết (LT/TH) | Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)   | PP giảng dạy                                 | Hoạt động học của SV   | Bài đánh giá |
|----------|---|-----------------|--------------------------------|--|--|--------------|
| 4.2.2    | Chế độ kinh tế  |                 |                                |  |  |              |
| 4.2.3    | Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân                   |                 |                                |  |  |              |
| 4.2.4    | Bộ máy nhà nước   |                 |                                |  |  |              |
| <b>5</b> | <b>Luật lao động</b>                                    | 4/3             | CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12 | Thuyết trình, trao đổi, thảo luận, thực hành | Nghe giảng, ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân |              |
| 5.1      | Khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh |                 |                                |  |  |              |
| 5.2      | Những chế định cơ bản của Luật lao động                 |                 |                                |  |  |              |
| 5.2.1    | Hợp đồng lao động                                       |                 |                                |  |  |              |
| 5.2.2    | Trách nhiệm kỷ luật                                     |                 |                                |  |  |              |
| 5.2.3    | Vai trò của tổ chức công đoàn                           |                 |                                |  |  |              |

| TT       | Các nội dung cơ bản của Chương mục                             | Số tiết (LT/TH) | Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)   | PP giảng dạy                                 | Hoạt động học của SV   | Bài đánh giá |
|----------|--|-----------------|--------------------------------|--|--|--------------|
| 5.2.4    | Bảo hiểm xã hội  |                 |                                |  |  |              |
| 5.2.5    | Thủ tục giải quyết tranh chấp lao động                         |                 |                                |  |  |              |
| <b>6</b> | <b>Luật Dân sự và Luật Tố tụng dân sự</b>                      | 4/3             | CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12 | Thuyết trình, trao đổi, thảo luận, thực hành | Nghe giảng, ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân |              |
| 6.1      | Luật Dân sự  |                 |                                |  |  |              |
| 6.1.1    | Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự |                 |                                |  |  |              |
| 6.1.2    | Một số chế định cơ bản của Luật Dân sự                         |                 |                                |  |  |              |
| 6.1.2.1  | Quyền nhân thân  |                 |                                |  |  |              |
| 6.1.2.2  | Quyền sở hữu   |                 |                                |  |  |              |
| 6.1.2.3  | Quyền thừa kế  |                 |                                |  |  |              |

| TT      | Các nội dung cơ bản của Chương mục   | Số tiết (LT/TH) | Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)   | PP giảng dạy                                 | Hoạt động học của SV   | Bài đánh giá |
|---------|--|-----------------|--------------------------------|--|--|--------------|
| 6.1.2.4 | Hợp đồng dân sự  |                 |                                |  |  |              |
| 7       | <b>Luật Hôn nhân và Gia đình</b>   | 4/3             | CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12 | Thuyết trình, trao đổi, thảo luận, thực hành | Nghe giảng, ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân |              |
| 7.1     | Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình |                 |                                |  |  |              |
| 7.2     | Một số nội dung cơ bản của luật hôn nhân và gia đình                         |                 |                                |  |  |              |
| 7.2.1   | Kết hôn  |                 |                                |  |  |              |
| 7.2.2   | Quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng   |                 |                                |  |  |              |
| 7.2.3   | Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con   |                 |                                |  |  |              |

| TT       | Các nội dung cơ bản của Chương mục  | Số tiết (LT/TH) | Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)   | PP giảng dạy                                 | Hoạt động học của SV   | Bài đánh giá |
|----------|---|-----------------|--------------------------------|--|--|--------------|
| 7.2.4    | Chấm dứt hôn nhân   |                 |                                |  |  |              |
| <b>8</b> | <b>Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự</b>   | 4/3             | CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12 | Thuyết trình, trao đổi, thảo luận, thực hành | Nghe giảng, ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân |              |
| 8.1      | Khái niệm và vai trò của Luật hình sự   |                 |                                |  |  |              |
| 8.2      | Tội phạm và các dấu hiệu của tội phạm   |                 |                                |  |  |              |
| 8.3      | Hình phạt và các loại hình phạt   |                 |                                |  |  |              |
| 8.4      | Luật tố tụng hình sự. Các khâu tố tụng cơ bản   |                 |                                |  |  |              |
| <b>9</b> | <b>Luật Phòng chống tham nhũng</b>  | 4/3             | CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12 | Thuyết trình, trao đổi, thảo luận, thực hành | Nghe giảng, ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân |              |
| 9.1      | Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Phòng chống tham nhũng |                 |                                |  |  |              |

| TT    | Các nội dung cơ bản của Chương mục                               | Số tiết (LT/TH) | Đáp ứng CDR nào của HP (CLO) | PP giảng dạy | Hoạt động học của SV | Bài đánh giá |
|-------|--|-----------------|------------------------------|--------------|----------------------|--------------|
| 9.2   | Một số nội dung cơ bản của Luật Phòng chống tham nhũng           |                 |                              |              |                      |              |
| 9.2.1 | Hành vi tham nhũng   |                 |                              |              |                      |              |
| 9.2.2 | Phòng ngừa tham nhũng  |                 |                              |              |                      |              |
| 9.2.3 | Phát hiện tham nhũng   |                 |                              |              |                      |              |
| 9.2.4 | Xử lý hành vi tham nhũng và những hành vi vi phạm pháp luật khác |                 |                              |              |                      |              |

**Ghi chú:**

(2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục.

(3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương;

(4) Liệt kê các CDR của học phần (ghi kí hiệu CLO) liên quan.

(5) PP giảng dạy: Nêu PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR;

(6) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, tìm trang thứ mấy, làm việc nhóm để giải quyết bài tập, làm dự án ...); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm bài tập thường xuyên số....

(7): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (kí hiệu A.x.x).

## 7. Học liệu

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

| TT                                | Tên tác giả  | Năm XB | Tên sách, giáo trình,<br>tên bài báo, văn bản   | NXB, tên tạp chí/<br>nơi ban hành VB |
|-----------------------------------|--|--------|---|--------------------------------------|
| <b>Giáo trình chính</b>           |  |        |   |                                      |
| 1                                 | Học viên Hành chính Quốc gia                           | 2007   | Giáo trình Pháp luật đại cương  | NXB Khoa học và Kỹ thuật             |
| 2                                 | Trường ĐH CNTP TP. Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận chính trị | 2018   | Tài liệu học tập môn Pháp luật đại cương,   | NXB Thanh Niên, TP. Hồ Chí Minh      |
| <b>Sách, giáo trình tham khảo</b> |  |        |   |                                      |
| 1                                 |  |        | Hiến Pháp 2013  |                                      |
| 2                                 |  |        | Bộ luật Dân sự 2015; Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017), có hiệu lực từ ngày 01/01/2018; Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Bộ luật Lao động 2012; Luật phòng chống tham nhũng 2005 (sửa đổi bổ sung |                                      |

|  |  |  |           |  |
|--|--|--|-----------|--|
|  |  |  | năm 2012) |  |
|--|--|--|-----------|--|

**Bảng 6. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần**

| TT | Nội dung tham khảo   | Link trang web  | Ngày cập nhật |
|----|--|---|---------------|
| 1  | Hệ thống pháp luật Việt Nam có những ưu điểm và nhược điểm gì?                   | <a href="https://luatminhkhue.vn/he-thong-phap-luat-viet-nam-nhung-uu-diem-va-nhuoc-diem.aspx">https://luatminhkhue.vn/he-thong-phap-luat-viet-nam-nhung-uu-diem-va-nhuoc-diem.aspx</a>   | Năm 2022      |
| 2  | Thực trạng và phân biệt các hình thức hệ thống hóa pháp luật ở Việt Nam hiện nay | <a href="https://noichinh.vn/ho-so-tu-lieu/201807/thuc-trang-va-phan-biet-cac-hinh-thuc-he-thong-hoa-phap-luat-o-viet-nam-hien-nay-304161/">https://noichinh.vn/ho-so-tu-lieu/201807/thuc-trang-va-phan-biet-cac-hinh-thuc-he-thong-hoa-phap-luat-o-viet-nam-hien-nay-304161/</a> | Năm 2018      |

## 8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

**Bảng 7. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần**

| TT | Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH | Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH  |          | Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương |
|----|---------------------------------------|--|----------|-------------------------------------|
|    |                                       | Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...  | Số lượng |                                     |
| 1  | Giảng đường nhà B                     | - Máy tính, máy chiếu, phần mềm đào tạo trực tuyến (LMS) phần mềm họp trực tuyến Zoom, Microsoft Team....<br>- Mạng internet, wifi | 01       | Chương 1, 2, 3, 4, 5,6,7,8,9        |

## 9. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

### Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định           |   |   |  |   | Trọng số |
|-------------------|-------------------------------------|---|---|--|---|----------|
|                   | MỨC F (0-3.9)                       | MỨC D (4.0-5.4)   | MỨC C (5.5-6.9)   | MỨC B (7.0-8.4)  | MỨC A (8.5-10)  |          |
| Chuyên cần        | Không đi học (<30%).                | Đi học không chuyên cần (<50%).   | Đi học khá chuyên cần (<70%).   | Đi học chuyên cần (<90%).  | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).   | 50%      |
| Đóng góp tại lớp  | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | 50%      |

**Rubric 2: Thuyết trình (Oral Presentation)**

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định   |  |   |  |  | Trọng số |
|-------------------|---|--|---|--|--|----------|
|                   | MỨC F (0-3.9)   | MỨC D (4.0-5.4)  | MỨC C (5.5-6.9)   | MỨC B (7.0-8.4)  | MỨC A (8.5-10)   |          |
| Nội dung báo cáo  | Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.  | Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng  | Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp   | Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video                                   | Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiểu biết trên video.          | 50 %     |
| Trình bày slide   | Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định   | Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng                                 | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)   | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày  | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.                                     | 25 %     |
| Thuyết trình      | Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, | Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có | Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. | Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương | Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội | 25 %     |

|  |                                       |   |  |   |  |  |
|--|---------------------------------------|---|--|---|--|--|
|  | giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu. | tương tác với người nghe khi trình bày. | Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày. | tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày. | dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định. |  |
|--|---------------------------------------|---|--|---|--|--|

### Rubric 3: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

| Tiêu chí đánh giá                   | Mức độ đạt chuẩn quy định                           |  |   |  |   | Trọng số |
|-------------------------------------|---|--|---|--|---|----------|
|                                     | MỨC F (0-3.9)                                       | MỨC D (4.0-5.4)  | MỨC C (5.5-6.9)   | MỨC B (7.0-8.4)  | MỨC A (8.5-10)  |          |
| Tổ chức nhóm                        | Không có sự làm việc nhóm                           | Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể. | Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm. | Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.                          | Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên. | 30%      |
| Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần) | < 30%   | <50%   | <70%  | <90%   | 100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)   | 20%      |
| Thảo luận                           | Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm. | Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.                                     | Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.  | Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.   | Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.   | 30%      |
| Phối hợp nhóm                       | Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.           | Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.  | Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.              | Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm. | Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.   | 20%      |

**Rubric 4: Bài tập (Work Assignment)**

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định |   |   |   |  | Trọng số |
|-------------------|---------------------------|---|---|---|--|----------|
|                   | MỨC F (0-3.9)             | MỨC D (4.0-5.4)   | MỨC C (5.5-6.9)   | MỨC B (7.0-8.4)   | MỨC A (8.5-10)   |          |
| Nộp bài tập       | Không nộp bài tập.        | Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.   | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.  | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.  | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.   | 20%      |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập          | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp. | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú) | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lập luận sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý. | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), lập luận logic sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý. | 30%      |
| Nội dung bài tập  | Không có bài tập          | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.   | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.   | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận đúng, rõ ràng.  | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận chứng cứ logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.   | 50%      |

Hải Dương, ngày... tháng... năm.....

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**



